

NGHỊ ĐỊNH
**Quy định chi tiết một số điều của Luật Thi hành tạm giữ,
tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú số 128/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết khoản 5 và khoản 6 Điều 22, khoản 3 Điều 24, khoản 4 Điều 26, khoản 1, khoản 3 và khoản 5 Điều 27, Điều 28, Điều 30, khoản 1 Điều 33, Điều 35, khoản 2 Điều 47 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; Cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam; người bị tạm giữ, người bị tạm giam và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tiếp xúc lãnh sự là hoạt động của viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự thuộc cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước có người bị tạm giữ, người bị tạm giam mang quốc tịch đến thực hiện việc thăm gặp, tiếp xúc với người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

2. Tiếp xúc với tổ chức nhân đạo là hoạt động của cán bộ, nhân viên đại diện cho tổ chức nhân đạo được thành lập hoặc được phép hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên đến thực hiện việc thăm gặp, tiếp xúc với người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người nước ngoài.

3. Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú là tập hợp các dữ liệu về hoạt động thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú và các dữ liệu có liên quan được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý, cập nhật theo quy định.

Điều 4. Kinh phí phục vụ hoạt động quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú

Kinh phí phục vụ hoạt động quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú quy định tại Nghị định này do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

Việc quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Chương II CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ GIAM GIỮ

Điều 5. Thông báo việc tạm giữ, tạm giam và xác định quốc tịch của người bị tạm giữ, người bị tạm giam

1. Trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người nước ngoài hoặc khai báo là người nước ngoài, cơ quan đang thụ lý vụ án phải gửi ngay văn bản đến Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh đối với các tỉnh, thành phố từ thành phố Đà Nẵng trở vào phía Nam) để thông báo việc tạm giữ, tạm giam người nước ngoài cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước mà người đó mang quốc tịch và đề nghị xác nhận quốc tịch đối với trường hợp khai báo là người nước ngoài.

Văn bản thông báo ghi rõ: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; lý do tạm giữ, tạm giam; thời hạn tạm giữ, tạm giam; nơi tạm giữ, tạm giam; đầu mối liên hệ của cơ quan đang thụ lý vụ án; kèm theo bản chụp giấy tờ tùy thân của người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

2. Sau khi nhận được văn bản của cơ quan đang thụ lý vụ án, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm thông báo ngay cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự liên quan về việc tạm giữ, tạm giam người nước ngoài; đề nghị xác nhận quốc tịch của người bị tạm giữ, người bị tạm giam (nếu cần thiết). Trong thời hạn 03 ngày

làm việc kể từ khi nhận được kết quả, Bộ Ngoại giao thông báo bằng văn bản cho cơ quan đang thụ lý vụ án. Cơ quan đang thụ lý vụ án có trách nhiệm thông báo ngay cho cơ sở giam giữ biết để phối hợp quản lý.

Điều 6. Tổ chức cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người nước ngoài tiếp xúc lãnh sự

1. Bộ Ngoại giao là đầu mối tiếp nhận các yêu cầu về tiếp xúc lãnh sự. Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài có yêu cầu tiếp xúc lãnh sự với người bị tạm giữ, người bị tạm giam là công dân nước mình phải gửi văn bản đề nghị đến Bộ Ngoại giao. Nội dung văn bản đề nghị gồm:

- a) Tên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự;
- b) Họ và tên, quốc tịch người bị tạm giữ, người bị tạm giam cần tiếp xúc lãnh sự;
- c) Cơ sở giam giữ đang quản lý người bị tạm giữ, người bị tạm giam;
- d) Họ và tên, chức vụ, số hộ chiếu hoặc số chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư lãnh sự, chứng minh thư Lãnh sự danh dự của những người đến tiếp xúc lãnh sự với người bị tạm giữ, người bị tạm giam;
- đ) Họ và tên, số giấy tờ tùy thân của người phiên dịch (nếu có);
- e) Thời gian dự kiến tiếp xúc lãnh sự (nếu có);
- g) Nội dung tiếp xúc lãnh sự và các đề nghị khác (nếu có).

2. Khi có đề nghị tiếp xúc lãnh sự, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm thông báo bằng văn bản nội dung đề nghị tiếp xúc lãnh sự cho cơ quan đang thụ lý vụ án.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Ngoại giao về đề nghị tiếp xúc lãnh sự, cơ quan đang thụ lý vụ án có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ sở giam giữ trả lời bằng văn bản về việc giải quyết hoặc không giải quyết tiếp xúc lãnh sự và gửi Bộ Ngoại giao để thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài; trường hợp không giải quyết tiếp xúc lãnh sự phải nêu rõ lý do theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam từ chối việc tiếp xúc lãnh sự thì gửi kèm theo biên bản ghi nhận việc từ chối tiếp xúc.

3. Khi có đề nghị tiếp xúc lãnh sự với người bị tạm giam đã bị kết án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật đang chờ thi hành án, người bị kết án tử hình mà bản án đã có hiệu lực pháp luật đang chờ thi hành án, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm thông báo nội dung đề nghị tiếp xúc lãnh sự cho Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm

giam và cấm đi khỏi nơi cư trú Bộ Công an, Bộ Quốc phòng biết.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Ngoại giao về đề nghị tiếp xúc lãnh sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú Bộ Công an, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ sở giam giữ trả lời bằng văn bản về việc giải quyết hoặc không giải quyết tiếp xúc lãnh sự và gửi Bộ Ngoại giao để thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài; trường hợp không giải quyết tiếp xúc lãnh sự phải nêu rõ lý do theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; trường hợp người bị tạm giam đã bị kết án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật đang chờ thi hành án, người bị kết án từ hình mà bản án đã có hiệu lực pháp luật đang chờ thi hành án từ chối việc tiếp xúc lãnh sự thì gửi kèm theo biên bản ghi nhận việc từ chối tiếp xúc.

4. Thủ trưởng cơ sở giam giữ không giải quyết tiếp xúc lãnh sự trong các trường hợp quy định tại điểm b, c, d và h khoản 4 Điều 22 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú. Khi lý do không giải quyết tiếp xúc lãnh sự không còn, cơ sở giam giữ phối hợp với cơ quan đang thụ lý vụ án thông báo cho Bộ Ngoại giao để thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài biết.

5. Trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam từ chối tiếp xúc lãnh sự thì cơ sở giam giữ phải lập biên bản ghi nhận việc từ chối tiếp xúc lãnh sự, có chữ ký hoặc điểm chỉ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam và chữ ký của người làm chứng.

Điều 7. Tổ chức cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người nước ngoài tiếp xúc với tổ chức nhân đạo

1. Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thỏa thuận giữa Việt Nam với nước có liên quan quy định cơ quan đầu mối tiếp nhận đề nghị của tổ chức nhân đạo, thì tổ chức nhân đạo gửi văn bản đề nghị đến cơ quan đầu mối quy định tại điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế đó. Nội dung văn bản đề nghị gồm:

- a) Tên tổ chức nhân đạo, giấy tờ liên quan đến hoạt động của tổ chức nhân đạo;
- b) Họ và tên, quốc tịch người bị tạm giữ, người bị tạm giam cần tiếp xúc với tổ chức nhân đạo;
- c) Cơ sở giam giữ đang quản lý người bị tạm giữ, người bị tạm giam;
- d) Họ và tên, chức vụ, giấy tờ tùy thân của người đại diện tổ chức nhân đạo đến tiếp xúc;
- đ) Họ và tên, giấy tờ tùy thân của người phiên dịch (nếu có);

e) Thời gian dự kiến tiếp xúc (nếu có);

g) Nội dung tiếp xúc và các đề nghị khác (nếu có).

2. Sau khi nhận được đề nghị của tổ chức nhân đạo, cơ quan đầu mối quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thỏa thuận giữa Việt Nam với nước có liên quan có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đang thụ lý vụ án biết. Trường hợp người được tiếp xúc nhân đạo là người bị tạm giam đã bị kết án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật đang chờ thi hành án, người bị kết án tử hình mà bản án đã có hiệu lực pháp luật đang chờ thi hành án thì cơ quan đầu mối có trách nhiệm thông báo cho Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan đầu mối, cơ quan đang thụ lý vụ án, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú Bộ Công an, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ sở giam giữ trả lời bằng văn bản về việc giải quyết hoặc không giải quyết tiếp xúc với tổ chức nhân đạo và gửi cơ quan đầu mối để thông báo cho tổ chức nhân đạo; trường hợp không giải quyết phải nêu rõ lý do.

3. Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thỏa thuận giữa Việt Nam với nước có liên quan không quy định cơ quan đầu mối tiếp nhận yêu cầu tiếp xúc của tổ chức nhân đạo với người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người nước ngoài hoặc trường hợp không có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận giữa Việt Nam với nước liên quan thì tổ chức nhân đạo phải gửi văn bản đề nghị đến cơ quan đang thụ lý vụ án theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp người được tiếp xúc nhân đạo là người bị tạm giam đã bị kết án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật đang chờ thi hành án, người bị kết án tử hình mà bản án đã có hiệu lực pháp luật đang chờ thi hành án thì tổ chức nhân đạo phải gửi văn bản đề nghị đến Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú Bộ Công an, Bộ Quốc phòng theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức nhân đạo, cơ quan đang thụ lý vụ án, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú Bộ Công an, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ sở giam giữ trả lời bằng văn bản về việc giải quyết hoặc không giải quyết tiếp xúc với tổ chức nhân đạo; trường hợp không giải quyết phải nêu rõ lý do. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan đang thụ lý vụ án có thể lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao trước khi trả lời tổ chức nhân đạo.

4. Thủ trưởng cơ sở giam giữ không giải quyết tiếp xúc với tổ chức nhân đạo trong các trường hợp quy định tại điểm b, c, d và h khoản 4 Điều 22 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam từ chối tiếp xúc với tổ chức nhân đạo thì cơ sở giam giữ phải lập biên bản ghi nhận việc từ chối tiếp xúc với tổ chức nhân đạo, có chữ ký hoặc điểm chỉ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam và chữ ký của người làm chứng.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong tổ chức tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc với tổ chức nhân đạo

1. Thủ trưởng cơ sở giam giữ có trách nhiệm tổ chức cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, tổ chức nhân đạo thăm gặp, tiếp xúc với người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người nước ngoài, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, người bị tạm giam phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trường hợp cơ quan đang thụ lý vụ án có yêu cầu giám sát, theo dõi việc tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc với tổ chức nhân đạo thì phối hợp với cơ sở giam giữ để giám sát, theo dõi.

3. Các cơ quan chức năng thuộc Bộ Ngoại giao có trách nhiệm phối hợp với cơ sở giam giữ tổ chức việc tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc với tổ chức nhân đạo. Trong trường hợp cần thiết Thủ trưởng cơ sở giam giữ mời đại diện Bộ Ngoại giao hoặc đại diện Hội Chữ thập đỏ Việt Nam cùng tham dự.

Điều 9. Trách nhiệm của cán bộ giám sát, theo dõi việc tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc với tổ chức nhân đạo

1. Kiểm tra hộ chiếu hoặc chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư lãnh sự, chứng minh thư Lãnh sự danh dự của người đến tiếp xúc lãnh sự, hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác của người đến tiếp xúc nhân đạo, giấy tờ tùy thân của người phiên dịch.

2. Thông báo quy định về tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc với tổ chức nhân đạo và tình hình sức khỏe của người bị tạm giữ, người bị tạm giam được tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc với tổ chức nhân đạo.

3. Giám sát, theo dõi quá trình tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc với tổ chức nhân đạo, lập biên bản ghi nhận việc tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc với tổ chức nhân đạo.

4. Trong quá trình tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc với tổ chức nhân đạo nếu người đến tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc nhân đạo hoặc người bị tạm giữ, người bị tạm giam vi phạm Nội quy cơ sở giam giữ thì cán bộ giám sát, theo dõi nhắc nhở hoặc báo cáo Thủ trưởng cơ sở giam giữ quyết định chấm dứt việc tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc với tổ chức nhân đạo.

5. Báo cáo đề xuất giải quyết các kiến nghị của cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, tổ chức nhân đạo (nếu có).

Điều 10. Trách nhiệm của người đến tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc với tổ chức nhân đạo

1. Người đến tiếp xúc lãnh sự phải xuất trình hộ chiếu hoặc chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư lãnh sự, chứng minh thư Lãnh sự danh dự; người đến tiếp xúc nhân đạo phải xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác; người phiên dịch phải xuất trình giấy tờ tùy thân.

2. Chấp hành đúng quy định của pháp luật Việt Nam và Nội quy cơ sở giam giữ, thực hiện tiếp xúc đúng thành phần đã được đồng ý.

3. Chỉ được thực hiện các nội dung đã nêu trong văn bản đề nghị.

Điều 11. Thời gian, số lượng người đến tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc với tổ chức nhân đạo

1. Người bị tạm giữ được tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc với tổ chức nhân đạo 01 lần trong thời gian tạm giữ, 01 lần trong mỗi lần gia hạn tạm giữ, mỗi lần không quá 01 giờ.

2. Người bị tạm giam được tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc với tổ chức nhân đạo 01 lần trong 01 tháng, mỗi lần không quá 01 giờ, thời gian tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc với tổ chức nhân đạo tổ chức trong giờ làm việc của ngày làm việc.

3. Số lượng viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự, số lượng cán bộ, nhân viên đại diện cho tổ chức nhân đạo đến thực hiện việc thăm gặp, tiếp xúc với người bị tạm giữ, người bị tạm giam không quá 05 người/01 lần tiếp xúc.

4. Trường hợp tăng thêm số lượng người đến, số lần tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc nhân đạo với người bị tạm giữ, người bị tạm giam phải được cơ quan đang thụ lý vụ án đồng ý. Trường hợp tăng thêm số lượng người đến, số lần tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc nhân đạo với người bị tạm giam đã bị kết án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật đang chờ thi hành án, người bị kết án tử hình mà bản án đã có hiệu lực pháp luật đang chờ thi hành án phải được Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú Bộ Công an, Bộ Quốc phòng đồng ý.

Điều 12. Sử dụng tiền gửi lưu ký để mua đồ dùng thiết yếu cho sinh hoạt của người bị tạm giữ, người bị tạm giam

1. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam được sử dụng tiền gửi lưu ký để mua đồ dùng thiết yếu là hàng hóa bán trong căng tin để phục vụ sinh hoạt của họ.

2. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam được nhận lại tiền gửi lưu ký (nếu còn) khi được trả tự do, điều chuyển sang cơ sở giam giữ khác hoặc giao lại cho người thân thích hoặc người được ủy thác khi người đó chết hoặc bị thi hành án tử hình.

Điều 13. Kinh phí và các điều kiện bảo đảm mai táng người bị tạm giữ, người bị tạm giam, con của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo mẹ vào cơ sở giam giữ chết

1. Kinh phí bảo quản tử thi người bị tạm giữ, người bị tạm giam, con của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo mẹ vào cơ sở giam giữ trong thời gian chờ các cơ quan chức năng phối hợp giải quyết hoặc chờ người thân thích đến nhận tử thi theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú được tính theo đơn giá thực tế.

2. Kinh phí mai táng người bị tạm giữ, người bị tạm giam, con của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo mẹ vào cơ sở giam giữ chết được xác định theo thực tế tại từng địa phương bao gồm các khoản chi: tiền mua 01 quan tài bằng gỗ thường, 01 bộ quần áo dài và 01 bộ quần áo lót mới, 04 m² vải liệm, hương, nến, côn, chi phí làm vệ sinh và các chi phí khác phục vụ việc mai táng phù hợp với phong tục địa phương.

3. Trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam, con của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo mẹ vào cơ sở giam giữ chết mà người thân thích nhận tử thi về mai táng thì được hỗ trợ kinh phí 01 lần trị giá tương đương 500 kg gạo tẻ.

4. Cơ sở giam giữ tổ chức mai táng cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam, con của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo mẹ vào cơ sở giam giữ chết bằng hình thức địa táng hoặc hỏa táng.

5. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm bố trí quỹ đất phù hợp và phối hợp với cơ sở giam giữ tổ chức mai táng, làm thủ tục khai tử cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam, con của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo mẹ vào cơ sở giam giữ chết theo quy định của pháp luật.

Chương III

CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ, NGƯỜI BỊ TẠM GIAM VÀ CHẾ ĐỘ CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG TRẺ EM DƯỚI 36 THÁNG TUỔI Ở CÙNG MẸ TRONG CƠ SỞ GIAM GIỮ

Điều 14. Định mức ăn, ở của người bị tạm giữ, người bị tạm giam

1. Người bị tạm giam được Nhà nước bảo đảm tiêu chuẩn, định mức ăn trong 01 tháng gồm: 17 kg gạo tẻ; 15 kg rau xanh hoặc củ, quả; 1,5 kg thịt lợn; 1,5 kg cá; 05 quả trứng gà hoặc trứng vịt; 0,5 kg đường; 0,75 lít nước mắm; 0,3 lít dầu ăn; 0,1 kg bột ngọt; 0,5 kg muối; gia vị khác tương đương 0,5 kg gạo tẻ; nhiên liệu tương đương 17 kg củi hoặc 15 kg than hoặc 25 kWh điện hoặc 03 kg khí đốt (gas). Người bị tạm giữ, người bị tạm giam được bảo đảm điện, nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt hằng ngày. Lương thực, thực phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu bảo đảm

chất lượng và có mức giá trung bình theo thời giá thị trường tại địa phương nơi cơ sở giam giữ đóng quân. Thủ trưởng cơ sở giam giữ quyết định hoán đổi các loại lương thực, thực phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu bằng các loại thực phẩm khác có giá trị tương đương bảo đảm người bị tạm giữ, người bị tạm giam được sử dụng hết tiêu chuẩn, định mức theo quy định.

Định mức ăn của người bị tạm giữ được tính theo ngày trên cơ sở định mức ăn của người bị tạm giam. Ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật, người bị tạm giữ, người bị tạm giam được ăn thêm bằng 05 lần định mức ăn ngày thường.

2. Định mức ăn của người bị tạm giữ, người bị tạm giam ốm đau, bệnh tật, thương tích do Thủ trưởng cơ sở giam giữ quyết định theo chỉ định của y sĩ hoặc bác sĩ điều trị nhưng không quá 02 lần so với định mức ăn ngày thường.

3. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi được bảo đảm định mức ăn theo quy định tại khoản 1 Điều này và được tăng thêm 20% về thịt, cá, trứng so với định mức ăn.

4. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam là phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi được hưởng định mức ăn bằng 02 lần định mức ăn ngày thường theo quy định tại khoản 1 Điều này và được hoán đổi theo chỉ định của y sĩ hoặc bác sĩ.

5. Ngoài định mức ăn quy định tại khoản 1 Điều này, người bị tạm giữ, người bị tạm giam được sử dụng tiền gửi lưu ký để mua đồ ăn thêm. Định mức đồ ăn mua trong 01 tháng không quá 05 lần định mức ăn trong 01 tháng của 01 người bị tạm giam.

6. Tiêu chuẩn diện tích chỗ nằm cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam tối thiểu là 02 m², được bố trí sàn nằm và có chiếu. Chỗ nằm bảo đảm sạch sẽ, khô ráo, thông thoáng, phù hợp điều kiện thời tiết và yêu cầu vệ sinh môi trường. Khu vực bố trí chỗ nằm phải được sắp xếp hợp lý, bảo đảm trật tự, an toàn, không ảnh hưởng đến sức khỏe, sinh hoạt của người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

Điều 15. Tổ chức bếp ăn phục vụ người bị tạm giữ, người bị tạm giam

1. Cơ sở giam giữ được tổ chức bếp ăn có đủ các dụng cụ cần thiết để bảo quản lương thực, thực phẩm, phục vụ việc nấu ăn, cung cấp suất ăn, nước uống cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam phù hợp với địa điểm, quy mô và nhu cầu thực tế của cơ sở giam giữ. Việc tổ chức bếp ăn ở cơ sở giam giữ phải bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm.

2. Dụng cụ cấp dưỡng dùng cho 01 người bị tạm giữ, người bị tạm giam ăn riêng theo suất do cơ sở giam giữ cho mượn bao gồm 01 cặp lồng hoặc khay nhựa chuyên dùng đựng đồ ăn và 01 đôi đũa nhựa, 01 thìa nhựa.

Chất tẩy rửa đối với các dụng cụ cấp dưỡng không quá 0,2% định mức ăn một ngày.

3. Trường hợp do quy mô và số lượng người bị tạm giữ, người bị tạm giam ít không tổ chức được bếp ăn riêng thì cơ sở giam giữ tổ chức nấu ăn cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam tại bếp ăn tập thể dành cho cán bộ của cơ sở giam giữ.

Điều 16. Chế độ mặc và tư trang của người bị tạm giữ, người bị tạm giam

1. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam được sử dụng quần, áo, chăn, chiếu, màn và các đồ dùng cần thiết cho sinh hoạt của cá nhân, nếu thiếu thì cơ sở giam giữ cho mượn theo tiêu chuẩn mỗi người gồm: 01 chiếu; 01 màn cá nhân; 01 đôi dép; 02 bộ quần áo dài; 01 áo ấm mùa đông (các tỉnh, thành phố từ thành phố Đà Nẵng trở ra phía Bắc và 04 tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng) và 01 chăn (các tỉnh, thành phố từ thành phố Đà Nẵng trở ra phía Bắc và 04 tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng dùng chăn bông có vỏ tách rời loại không quá 02 kg; các tỉnh, thành phố còn lại dùng chăn sợi).

2. Người bị tạm giam khi vào cơ sở giam giữ được cấp: 01 bàn chải đánh răng, 01 khăn rửa mặt dùng trong 03 tháng; mỗi tháng được cấp 0,3 kg xà phòng, 80 ml dầu gội đầu, 50 g kem đánh răng. Người bị tạm giữ khi vào cơ sở giam giữ được cấp như đối với người bị tạm giam, khi người bị tạm giữ chuyển sang tạm giam thì tiếp tục sử dụng như quy định đối với người bị tạm giam.

3. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam là phụ nữ được cấp đồ dùng cần thiết cho vệ sinh của phụ nữ trị giá tương đương 02 kg gạo tẻ/người/tháng.

4. Cơ sở giam giữ cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam mượn quần áo màu xanh lam, không đóng số theo mẫu thống nhất: áo kiểu bludong dài tay, quần dài có chun.

5. Giám thị các trại tạm giam đóng quân trên địa bàn 04 tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng quyết định việc sử dụng áo ấm mùa đông và chăn đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam bảo đảm phù hợp với thời tiết, khí hậu tại địa phương.

Điều 17. Chế độ chăm sóc y tế đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam

1. Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước hoặc y tế của cơ sở giam giữ không bảo đảm được loại thuốc cần thiết cho việc điều trị thì người bị tạm giữ, người bị tạm giam được nhận thuốc chữa bệnh từ người thân thích theo đơn thuốc của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước hoặc y tế của cơ sở giam giữ hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi người bị tạm giữ, người bị tạm giam đã khám và điều trị. Cụ thể như sau:

a) Thuốc chữa bệnh phải có đầy đủ thông tin bao gồm: tên thuốc; thành phần, hàm lượng, khối lượng hoặc nồng độ của dược chất, dược liệu trong công thức thuốc; chỉ định, cách dùng, chống chỉ định của thuốc; số lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn dùng của thuốc, tiêu chuẩn chất lượng, điều kiện bảo quản thuốc; các dấu hiệu lưu ý và khuyến cáo khi dùng thuốc; tên cơ sở sản xuất thuốc, địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc;

b) Thuốc chữa bệnh cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam do người thân thích gửi phải được ghi vào Sổ Theo dõi thuốc do người thân thích gửi, có tủ đựng riêng và do cán bộ y tế của cơ sở giam giữ kiểm tra, quản lý. Khi người bị tạm giữ, người bị tạm giam có nhu cầu sử dụng thuốc, cán bộ y tế căn cứ vào bệnh lý, phác đồ điều trị để dùng thuốc cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam hoặc hướng dẫn, giám sát chặt chẽ người bị tạm giữ, người bị tạm giam dùng thuốc. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam nhận, dùng thuốc phải ký tên hoặc điểm chỉ vào Sổ Theo dõi thuốc do người thân thích gửi. Thuốc hết hạn sử dụng phải lập biên bản tiêu hủy, có sự chứng kiến, ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận của người bị tạm giữ, người bị tạm giam;

c) Khi người bị tạm giữ, người bị tạm giam được trả tự do, cán bộ y tế phải kiểm tra, đối chiếu, trả lại cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam số thuốc chưa sử dụng hết; trường hợp điều chuyển sang cơ sở giam giữ khác, cán bộ y tế bàn giao thuốc cho cơ sở giam giữ tiếp nhận; trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam chết hoặc bị thi hành án tử hình, cán bộ y tế bàn giao cho người thân thích hoặc người được ủy thác.

2. Khi người bị tạm giữ, người bị tạm giam có dấu hiệu mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, cơ sở giam giữ có trách nhiệm thông báo và yêu cầu cơ quan đang thụ lý vụ án trung cầu giám định pháp y tâm thần. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ sở giam giữ, cơ quan đang thụ lý vụ án có trách nhiệm xem xét, quyết định việc trung cầu giám định pháp y tâm thần theo thẩm quyền; trường hợp không trung cầu giám định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc đưa người bị tạm giữ, người bị tạm giam đi giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần hoặc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh, cơ quan đang thụ lý vụ án chủ trì, phối hợp với cơ sở giam giữ đưa người bị tạm giữ, người bị tạm giam đến cơ sở giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần hoặc cơ sở chữa bệnh nêu trong quyết định đảm bảo an toàn, đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

3. Trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam nhiễm HIV, lao, các bệnh truyền nhiễm và bệnh mạn tính khác thì được chăm sóc, điều trị theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam là phụ nữ trong thời gian mang thai được chăm sóc y tế và khám thai định kỳ theo quy định của Bộ Y tế.

5. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước có trách nhiệm thực hiện quy định chuyên môn và phối hợp với các cơ sở giam giữ trên địa bàn tổ chức khám bệnh, chữa bệnh cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam. Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn điều trị của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải kịp thời thông báo và phối hợp với cơ sở giam giữ để chuyển

người bị tạm giữ, người bị tạm giam đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên điều trị.

6. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản trở lên của Nhà nước trên địa bàn có cơ sở giam giữ đóng quân thì bố trí quỹ đất trong khuôn viên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để xây dựng khu điều trị riêng cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam. Trường hợp không còn quỹ đất thì bố trí tối thiểu 03 buồng bệnh riêng trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để điều trị cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam và phải đảm bảo thuận lợi cho công tác quản lý người bị tạm giữ, người bị tạm giam. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm phân công bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật y đến khám, điều trị và chăm sóc người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo yêu cầu chuyên môn. Trường hợp khi không có người bị tạm giữ, người bị tạm giam điều trị, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thể sử dụng buồng bệnh để điều trị cho bệnh nhân khác. Trường hợp quy hoạch bệnh viện mới, Sở Y tế phải thông báo cho Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam Công an cấp tỉnh biết, phối hợp khảo sát, bố trí quỹ đất và thiết kế xây dựng khu điều trị riêng cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

Điều 18. Kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam

1. Tiền thuốc chữa bệnh thông thường, vật tư y tế phục vụ cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam được cấp không quá 05 kg gạo tẻ/01 người/01 tháng.

2. Cơ sở giam giữ có trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế phát sinh trong việc khám bệnh, chữa bệnh cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam tại y tế của cơ sở giam giữ hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước.

3. Trường hợp người thân thích hoặc người đại diện hợp pháp tự nguyện chi trả kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam thì cơ sở giam giữ lập biên bản ghi nhận việc tự nguyện chi trả kinh phí khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 19. Chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em dưới 36 tháng tuổi ở cùng mẹ trong cơ sở giam giữ

1. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam khi sinh con được cơ sở giam giữ thanh toán viện phí và được cấp 01 lần các đồ dùng cần thiết cho việc chăm sóc trẻ sơ sinh tương đương 01 tháng chế độ ăn của trẻ em dưới 36 tháng tuổi ở cùng mẹ trong cơ sở giam giữ.

2. Chế độ ăn của trẻ em dưới 36 tháng tuổi ở cùng mẹ trong cơ sở giam giữ được hưởng như mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng đối với trẻ em dưới 04 tuổi tại cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật hiện hành; ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật trẻ em được hưởng chế độ ăn bằng 05 lần ngày thường,

ngày Quốc tế Thiếu nhi (ngày 01 tháng 6 dương lịch), tết Trung thu (ngày 15 tháng 8 âm lịch) được hưởng chế độ ăn bằng 02 lần ngày thường. Ngoài chế độ ăn hàng ngày nêu trên, mỗi tháng trẻ em được hỗ trợ bổ sung sữa và đồ dùng sinh hoạt cần thiết trị giá tương đương 50 kg gạo tẻ/trẻ em. Căn cứ vào lứa tuổi của trẻ em và điều kiện thực tế, Thủ trưởng cơ sở giam giữ hoán đổi định mức ăn cho phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng của trẻ em hoặc quy đổi thành tiền và gửi lưu ký để mẹ của trẻ em sử dụng trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Trẻ em dưới 36 tháng tuổi ở cùng mẹ trong cơ sở giam giữ được cấp các đồ dùng cá nhân theo tiêu chuẩn mỗi trẻ em gồm: 01 chăn, 01 màn phù hợp với lứa tuổi và khí hậu vùng miền; 02 bộ quần áo ấm mùa đông/01 năm (các tỉnh, thành phố từ thành phố Đà Nẵng trở ra phía Bắc và 04 tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng); 01 đôi dép/06 tháng; 02 bộ quần áo bằng vải thường/06 tháng; 01 khăn rửa mặt/03 tháng; 0,3 kg xà phòng/tháng.

4. Trẻ em dưới 36 tháng tuổi ở cùng mẹ trong cơ sở giam giữ được cấp thẻ bảo hiểm y tế, chăm sóc y tế, khám chữa bệnh theo quy định của Luật Trẻ em và Luật Bảo hiểm y tế. Trường hợp bị bệnh hoặc thương tích vượt quá khả năng y tế của cơ sở giam giữ thì cơ sở giam giữ làm thủ tục chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước để điều trị; Thủ trưởng cơ sở giam giữ quyết định việc trích xuất và áp giải người bị tạm giữ, người bị tạm giam là mẹ của trẻ đi cùng để chăm sóc. Tiền thuốc chữa bệnh thông thường, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế được cấp không quá 05 kg gạo tẻ/01 trẻ em/01 tháng.

5. Cơ sở giam giữ có trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế phát sinh trong việc khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới 36 tháng tuổi ở cùng mẹ trong cơ sở giam giữ tại y tế của cơ sở giam giữ và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước.

6. Các chế độ đối với trẻ em từ đủ 36 tháng tuổi trở lên ở cùng mẹ trong cơ sở giam giữ trong thời gian chờ làm thủ tục đưa vào cơ sở trợ giúp xã hội hoặc chờ gửi về người thân thích nuôi dưỡng được thực hiện theo quy định tại Điều này.

Chương IV

CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ THI HÀNH TẠM GIỮ, TẠM GIAM VÀ CẤM ĐI KHỎI NƠI CƯ TRÚ

Điều 20. Nguyên tắc xây dựng, thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú

1. Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú được xây dựng đồng bộ, tập trung, thống nhất, dùng chung trên phạm vi toàn quốc, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn về cơ sở dữ liệu, đáp ứng quy định theo Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số; Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, các tiêu chuẩn an ninh mạng; bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu tổng hợp

quốc gia và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan.

2. Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú được quản lý tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương.

3. Dữ liệu được thu thập, cập nhật vào cơ sở dữ liệu phải đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, toàn vẹn, xác thực với hồ sơ, tài liệu nghiệp vụ, cập nhật, lưu trữ thường xuyên theo quy định.

4. Việc quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu phải bảo đảm phân công, phân quyền rõ ràng, xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú phải được quản lý, bảo vệ chặt chẽ, an toàn theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, giao dịch điện tử, an ninh mạng và pháp luật khác có liên quan.

6. Việc tạo lập, cập nhật dữ liệu là nội dung bắt buộc của quy trình nghiệp vụ điện tử về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; dữ liệu phải được tạo lập khi phát sinh hoạt động nghiệp vụ, bảo đảm đồng bộ, thống nhất.

7. Việc số hóa hồ sơ, ký số, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú được thực hiện đồng bộ, thống nhất, có tính hệ thống, bảo đảm liên thông giữa các giai đoạn tố tụng, giữa cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cơ quan quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, thi hành án hình sự; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu.

Điều 21. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú

1. Dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam, bao gồm:

a) Dữ liệu phản ánh thông tin về người bị tạm giữ, người bị tạm giam; lệnh/quyết định tạm giữ, gia hạn tạm giữ, tạm giam, gia hạn tạm giam;

b) Dữ liệu phản ánh thông tin diễn biến trong quá trình tạm giữ, tạm giam gồm: Điều chuyển, trích xuất; khám bệnh, chữa bệnh; thăm gặp, nhận quà, gửi, nhận thư, sách, báo và tài liệu; tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc với tổ chức nhân đạo; nhận xét chấp hành nội quy; kỷ luật, trốn, chết; thông báo về việc hết thời hạn tạm giữ, tạm giam và các thông tin khác có liên quan;

c) Dữ liệu phản ánh thông tin xét xử (cấp xét xử, tòa xét xử, ngày xét xử, hình phạt...);

d) Dữ liệu phản ánh thông tin kết thúc quá trình tạm giữ, tạm giam;

đ) Dữ liệu phản ánh thông tin, tài liệu khác về công tác quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam.

2. Dữ liệu về cấm đi khỏi nơi cư trú, bao gồm:

a) Dữ liệu phản ánh thông tin lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú;

b) Dữ liệu phản ánh thông tin diễn biến trong quá trình cấm đi khỏi nơi cư trú của người bị cấm đi khỏi nơi cư trú gồm: trình diện, điểm danh, kiểm diện, triệu tập, vắng mặt tại nơi cư trú; thay đổi nơi cư trú, làm việc, lao động hoặc học tập; vi phạm nghĩa vụ và các thông tin khác có liên quan;

c) Dữ liệu phản ánh thông tin kết thúc quá trình cấm đi khỏi nơi cư trú;

d) Dữ liệu phản ánh thông tin, tài liệu khác về cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Dữ liệu về tình hình nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ phục vụ công tác thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Việc phân loại và quản lý các dữ liệu quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này được thực hiện theo tính chất của từng thông tin, dữ liệu cụ thể theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về dữ liệu, pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật về kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

5. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú phải được kiểm tra, xử lý, chuẩn hóa và cập nhật theo quy trình thống nhất, bảo đảm:

a) Dữ liệu được kiểm tra tính hợp lệ, tính đầy đủ và tính chính xác trước khi đưa vào cơ sở dữ liệu;

b) Dữ liệu được chuẩn hóa theo danh mục dữ liệu và tiêu chuẩn dữ liệu do Bộ Công an ban hành;

c) Dữ liệu được cập nhật chậm nhất trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh hoặc có thay đổi thông tin liên quan đến quá trình tạm giữ, tạm giam và thay đổi nơi cư trú;

d) Dữ liệu được quản lý theo từng nhóm dữ liệu để phục vụ việc khai thác, sử dụng và bảo vệ dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Nguồn dữ liệu

1. Dữ liệu được thu thập, đồng bộ từ các nguồn:

a) Đồng bộ dữ liệu được kết nối, chia sẻ: Nhóm dữ liệu về thông tin người bị tạm giữ, người bị tạm giam được đồng bộ từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; nhóm dữ liệu về lệnh/quyết định tạm giữ, gia hạn tạm giữ, tạm giam, gia hạn tạm

giám, lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, lệnh trích xuất, nhóm dữ liệu kết thúc quá trình tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú và nhóm dữ liệu về thông tin xét xử được đồng bộ từ Cơ sở dữ liệu điều tra hình sự của Bộ Công an, Cơ sở dữ liệu của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ sở dữ liệu của Tòa án nhân dân tối cao và các cơ sở dữ liệu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thuộc Bộ Quốc phòng;

b) Trực tiếp tạo lập các dữ liệu phản ánh thông tin diễn biến trong quá trình tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú;

c) Số hóa giấy tờ, tài liệu từ hồ sơ quản lý người bị tạm giữ, người bị tạm giam; hồ sơ quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú; các thông kê, báo cáo về quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; các tài liệu khác có liên quan và số hóa các dạng vật chất khác;

d) Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

2. Việc chuyển đổi giấy tờ, tài liệu số hóa thành dữ liệu phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

3. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú có trách nhiệm tiếp nhận thông tin, dữ liệu do các cơ quan, tổ chức chia sẻ, cung cấp; thực hiện kiểm tra, xác thực, xử lý và chuẩn hóa dữ liệu trước khi tích hợp vào Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú để bảo đảm tính hợp lệ, chính xác và thống nhất của dữ liệu.

4. Cơ quan, tổ chức cung cấp thông tin, dữ liệu có trách nhiệm bảo đảm tính chính xác của dữ liệu do mình cung cấp và phối hợp với cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú trong việc kiểm tra, xác minh dữ liệu khi cần thiết.

Điều 23. Lưu trữ dữ liệu điện tử về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú

1. Dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú được hình thành từ hồ sơ, tài liệu được tạo lập dưới dạng thông điệp dữ liệu hoặc được chuyển đổi từ hồ sơ, tài liệu giấy theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử phải bảo đảm khả năng truy cập, sử dụng để tham chiếu, tính toàn vẹn và khả năng xác định nguồn gốc khởi tạo.

2. Văn bản, tài liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú được lập, gửi, nhận, lưu trữ trên môi trường điện tử phải được ký bằng chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn hoặc chữ ký số của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp pháp luật yêu cầu văn bản giấy thì việc chuyển đổi giữa văn bản giấy và thông điệp dữ liệu phải bảo đảm giá trị pháp lý, tính toàn vẹn, khả năng truy xuất và dấu hiệu nhận biết việc chuyển đổi theo quy định của pháp luật.

4. Việc số hóa hồ sơ, tài liệu và sử dụng chữ ký số trong thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú được thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và pháp luật có liên quan. Trường hợp dữ liệu đã được tạo lập hợp lệ trên môi trường điện tử thì không yêu cầu nhập lại hoặc tạo lập lại dưới dạng giấy, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Trong trường hợp có sự sai lệch về nội dung giữa dữ liệu thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú và hồ sơ, tài liệu giấy thì Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, Cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam và cơ quan, đơn vị được giao một số nhiệm vụ thi hành biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú phải tiến hành kiểm tra, xác minh để điều chỉnh cho phù hợp.

6. Dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú được lưu trữ tập trung, sử dụng hạ tầng dùng chung của Trung tâm dữ liệu quốc gia theo lộ trình, điều kiện kỹ thuật và quy định của cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin, đồng thời có phương án sao lưu, dự phòng thảm họa và khôi phục dữ liệu sau sự cố theo quy định của pháp luật.

7. Việc lưu trữ dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Dữ liệu được lưu trữ dưới dạng điện tử theo cấu trúc dữ liệu thống nhất;

b) Dữ liệu được tổ chức lưu trữ theo từng nhóm dữ liệu để thuận tiện cho việc quản lý, khai thác và sử dụng;

c) Dữ liệu được sao lưu định kỳ hằng ngày; thực hiện sao lưu đầy đủ hệ thống tối thiểu 01 lần/tuần; đồng thời thực hiện sao lưu tổng thể hằng tháng để bảo đảm khả năng khôi phục dữ liệu khi xảy ra sự cố;

d) Dữ liệu phải được kiểm tra, đối chiếu định kỳ ít nhất 01 lần/tháng để bảo đảm tính toàn vẹn và tính chính xác của dữ liệu trong quá trình lưu trữ.

Điều 24. Quản lý, bảo vệ cơ sở dữ liệu

1. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú có trách nhiệm quản trị dữ liệu, xây dựng, tổ chức thực hiện các biện pháp, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, quy định về việc quản lý, bảo vệ cơ sở dữ liệu; thiết lập hệ thống bảo vệ dữ liệu thống nhất để đánh giá rủi ro an ninh dữ liệu, giám sát và cảnh báo sớm nhằm quản lý dữ liệu một cách liên tục, hiệu quả, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, toàn vẹn, nhất quán, thống nhất, được chuẩn hóa, an toàn, bảo mật, kịp thời của dữ liệu.

2. Các cơ quan, đơn vị được phân quyền cập nhật dữ liệu có trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu có trách nhiệm sử dụng dữ liệu đúng mục đích, đúng thẩm quyền và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn, an ninh thông tin.

4. Việc quản lý và bảo vệ cơ sở dữ liệu được thực hiện thông qua các biện pháp sau đây:

a) Phân quyền truy cập và khai thác dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân;

b) Kiểm soát việc truy cập, khai thác, chỉnh sửa dữ liệu trong hệ thống cơ sở dữ liệu;

c) Ghi nhận và lưu vết các hoạt động truy cập, cập nhật, khai thác dữ liệu để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát;

d) Áp dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm bảo đảm an ninh mạng đối với hệ thống cơ sở dữ liệu;

đ) Kiểm tra, đánh giá định kỳ ít nhất 01 lần/quý việc bảo đảm an ninh, an toàn; trường hợp cần thiết thực hiện kiểm tra đột xuất theo yêu cầu quản lý.

Điều 25. Các hoạt động khác trong xử lý dữ liệu

1. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có quyền đề nghị các cơ quan, đơn vị được giao quản lý Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú thu hồi, xóa hoặc hủy dữ liệu do mình đã cung cấp.

2. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm thiết lập quy trình, triển khai các biện pháp, phương thức thu hồi, xóa hoặc hủy dữ liệu theo yêu cầu của các cơ quan, đơn vị, cá nhân; quyết định lưu trữ lịch sử quá trình thu hồi, xóa, hủy dữ liệu do mình quản lý.

Điều 26. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu điều tra hình sự của Bộ Công an, Cơ sở dữ liệu của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ sở dữ liệu của Tòa án nhân dân tối cao, các cơ sở dữ liệu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thuộc Bộ Quốc phòng và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan trong hệ thống chính trị theo quy định của pháp luật.

2. Việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú với cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, cơ quan, đơn vị được thực hiện thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, giao diện lập trình ứng dụng hoặc phương thức kỹ thuật khác theo quy định của pháp luật, bảo đảm tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu về an ninh mạng và kiểm soát truy cập.

3. Việc kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu của các tổ chức, cá nhân cho cơ quan quản lý nhà nước thực hiện thông qua hệ thống phần mềm của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Việc kết nối và chia sẻ dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Dữ liệu được chia sẻ theo đúng phạm vi, mục đích và thẩm quyền của cơ quan, tổ chức khai thác dữ liệu;

b) Dữ liệu được kiểm tra, xác thực trước khi thực hiện chia sẻ để bảo đảm tính chính xác và toàn vẹn của dữ liệu;

c) Việc chia sẻ dữ liệu phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân và an ninh mạng.

Điều 27. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú

1. Cơ quan, đơn vị tham gia xây dựng, thu thập, cập nhật thông tin và duy trì Cơ sở dữ liệu về tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú được quyền khai thác dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

2. Các cơ quan nhà nước, tổ chức khác và cá nhân có yêu cầu khai thác, sử dụng dữ liệu lưu trữ về người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người bị cấm đi khỏi nơi cư trú và các tài liệu khác trong Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú phải được cơ quan, đơn vị quản lý Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú cho phép.

3. Cơ quan có chức năng, nhiệm vụ cung cấp thông tin, tài liệu lưu trữ về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú có quyền từ chối yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu nếu có căn cứ cho rằng yêu cầu đó trái pháp luật, vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân hoặc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Phương thức khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú gồm:

a) Qua mạng máy tính nội bộ;

b) Qua kết nối, chia sẻ dữ liệu trực tuyến giữa các hệ thống thông tin;

c) Thông qua Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia theo quy định về khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;

d) Bằng văn bản hoặc phiếu đề nghị cung cấp bản giấy hoặc điện tử.

5. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu phải được thực hiện theo quy trình thống nhất, bảo đảm:

a) Xác định rõ mục đích, phạm vi và nội dung dữ liệu cần khai thác;

b) Kiểm soát việc truy cập và khai thác dữ liệu theo cơ chế phân quyền;

c) Ghi nhận và lưu vết việc khai thác dữ liệu để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát;

d) Bảo đảm dữ liệu được sử dụng đúng mục đích, đúng thẩm quyền và đúng phạm vi thông tin được khai thác và không làm lộ, lọt thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước hoặc dữ liệu cá nhân nhạy cảm.

6. Việc sử dụng chữ ký số, xác thực điện tử và phương thức gửi, nhận thông điệp dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Phiếu yêu cầu và kết quả cung cấp dữ liệu điện tử được ký số hoặc xác thực điện tử theo quy định của pháp luật và có giá trị pháp lý tương đương bản giấy.

7. Mọi hoạt động truy cập, khai thác, cập nhật, sửa đổi, xóa, phê duyệt, trích xuất dữ liệu phải được thực hiện thông qua tài khoản đã được định danh, xác thực của người được giao quyền; được ghi nhận, lưu trữ đầy đủ trên hệ thống để phục vụ kiểm tra, giám sát, truy xuất trách nhiệm.

Điều 28. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong xây dựng, thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú

1. Trách nhiệm của Bộ Công an

a) Bộ Công an là cơ quan chủ quản của Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú;

b) Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng, quản lý, khai thác, kết nối, chia sẻ, cập nhật, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú;

c) Thực hiện việc kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành có liên quan, địa phương trong xây dựng, quản lý, khai thác, kết nối, chia sẻ, cập nhật, sử dụng Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; đầu mối tiếp nhận, tổng hợp các thông tin về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú từ các bộ, ngành có liên quan, địa phương chia sẻ, cung cấp; báo cáo Chính phủ xem xét, xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện;

d) Tổ chức xây dựng, nâng cấp hệ thống phần mềm thống nhất để quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu; xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú đáp ứng việc kết nối đến các bộ, ngành có liên quan, địa phương trên phạm vi cả nước;

đ) Chủ trì điều phối thống nhất hoạt động quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và bảo vệ dữ liệu trong cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú;

e) Bảo đảm cơ sở vật chất, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho việc xây dựng, quản lý, sử dụng Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú;

g) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

a) Cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

b) Kết nối, chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng vào Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú;

c) Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú;

d) Bảo đảm cơ sở vật chất, đào tạo bồi dưỡng cán bộ cho việc cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú thuộc phạm vi quản lý;

đ) Chỉ đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú trong Quân đội nhân dân về Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú do Bộ Công an quản lý;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương

a) Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Bộ Công an theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật khác có liên quan để xây dựng, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú;

b) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai đồng bộ, bảo đảm đúng tiến độ và chất lượng kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú;

c) Thực hiện chuẩn hóa dữ liệu, làm sạch, kết nối, khai thác dữ liệu gắn với nhu cầu của các đơn vị;

d) Chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an ninh thông tin trước và trong quá trình thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu;

d) Thực hiện sơ kết, tổng kết về hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú

a) Cung cấp thông tin thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phục vụ việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú khi được yêu cầu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin do mình cung cấp;

b) Sử dụng thông tin đúng mục đích, tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn, an ninh thông tin, kịp thời thông báo cho cơ quan quản lý dữ liệu có thẩm quyền về những sai sót của dữ liệu được cung cấp;

c) Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị xâm phạm quyền khai thác, sử dụng dữ liệu của mình.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị định số 120/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam; Nghị định số 121/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và Nghị định số 113/2021/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp

1. Dữ liệu, hồ sơ, tài liệu, phần mềm và hệ thống thông tin về tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú đã được tạo lập, thu thập, quản lý, vận hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục lưu trữ, khai thác, sử dụng cho đến khi việc xây dựng, thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng, kết nối, chia sẻ dữ liệu đảm bảo theo quy định tại Nghị định này.

2. Trong thời gian chờ chuyển tiếp, việc lưu trữ, khai thác, sử dụng dữ liệu phải bảo đảm hoạt động quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú được thực hiện liên tục, không gián đoạn.

Điều 31. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b). *12*

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Gia Túc